

MỘT SỐ NHÓM TÀI NGUYÊN THỰC VẬT QUAN TRỌNG TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN SƠN, PHÚ THỌ

TRẦN MINH HỢI, TRẦN HUY THÁI, NINH KHẮC BÀN,
NGUYỄN QUANG HUNG, NGUYỄN THỊ HIỀN, NGUYỄN THỊ HƯỜNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật

Tài nguyên thực vật rừng được chia làm 2 nhóm chính: Tài nguyên gỗ (TNG) và tài nguyên ngoài gỗ (TNNG).

Gỗ là nguồn tài nguyên quan trọng nhất, chiếm vị trí chủ yếu và sinh khối lớn nhất của rừng. Tài nguyên ngoài gỗ (TNNG) bao gồm các bộ phận khác nhau của cây (hoa, quả, hạt,...), các sản phẩm thu từ cây (nhựa, dầu, gôm, tinh dầu,...), các loài thực vật không là cây gỗ gồm: cây làm thuốc, cây ăn được, cây hương liệu, cây làm cảnh, cây cho tanin, cây cho sợi, tre nứa, song mây... Đây là nguồn cung cấp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu thô, nguyên vật liệu cho cuộc sống và sinh hoạt. Nguồn tài nguyên ngoài gỗ có giá trị kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái vô cùng to lớn.

Vườn Quốc Gia (VQG) Xuân Sơn nằm về phía Tây của huyện Thanh Sơn (Phú Thọ), trên vùng tam giác ranh giới giữa 3 tỉnh Phú Thọ, Hoà Bình và Sơn La; ở tọa độ địa lý: 21°03' đến 21°12' vĩ Bắc và 104°51' đến 105°01' kinh Đông; độ cao từ 200 m đến 1.384 m với tổng diện tích 15.048 ha trong một vùng đồi núi thấp và trung bình thuộc lưu vực sông Bứa, nơi kết thúc của dãy Hoàng Liên. VQG nằm trong khu vực xen kẽ giữa núi đất và núi đá vôi. Hệ sinh thái rừng ở đây rất điển hình của miền Bắc Việt Nam.

VQG Xuân Sơn được nhân dân Phú Thọ coi là lá phổi xanh của tỉnh bởi lẽ cả tỉnh giờ đây chỉ còn Xuân Sơn có rừng tốt và giàu có nhất. Theo kết quả điều tra bước đầu của một số cơ quan (Viện Điều tra quy hoạch rừng, Trường Đại học Lâm nghiệp, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) thì VQG Xuân Sơn có giá trị cao về đa dạng sinh học, trong đó có nhiều loài động, thực vật quý hiếm đang bị đe dọa ở mức quốc gia và toàn cầu.

Việc nghiên cứu, đánh giá đầy đủ giá trị về nguồn tài nguyên sinh vật và đặc trưng của hệ sinh thái VQG Xuân Sơn làm cơ sở xây dựng chiến lược quản lý, bảo vệ và phát triển VQG trong tương lai là việc hết sức cần thiết. Trong bài báo này, chúng tôi xin trình bày kết quả nghiên cứu về một số nhóm tài nguyên thực vật quan trọng nhất ở VQG Xuân Sơn.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Điều tra ngoài thực địa theo ô tiêu chuẩn và theo 3 tuyến khảo sát tại khu vực VQG Xuân Sơn - Phú Thọ (Tuyến xóm Dù - xóm Lang - xóm Lũng Mãng; Tuyến xóm Dù - núi Ten; Tuyến xóm Dù - xóm Lấp, xóm Còi và núi Cẩn; để thu mẫu về giám định tên và phân tích trong phòng thí nghiệm).

- Xác định hàm lượng tinh dầu bằng phương pháp chưng cất lôi cuốn hơi nước có hồi lưu trong thiết bị Clevenger, phân tích thành phần hoá học của tinh dầu bằng phương pháp sắc ký khí - khối phổ (GC/MS) và cộng hưởng từ hạt nhân (NMR).

- Điều tra trong nhân dân về tập quán khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên nói trên theo phương pháp PRA.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả điều tra, nghiên cứu trong trong thời gian qua (2002, 2003 và 2004), chúng tôi đã tiến hành thu mẫu và xác định được gần 700 loài thực vật, trong đó được chia thành các nhóm công dụng:

1. Nhóm cây cho gỗ

Đây là nhóm cây quan trọng nhất. Tại khu hệ thực vật Xuân Sơn, chúng tôi đã thống kê được trên 150 loài cho gỗ trong các họ thực vật sau đây:

Họ Kim giao - Podocarpaceae: Kim giao (*Nageia fleuryi* (Hickel) Laubenfels), Thông tre (*Podocarpus neriifolius* D. Don); Họ Thông đỏ - Taxaceae: Sam bông (*Amentotaxus argotaenia* (Hance) Pilger); Họ Dầu - Dipterocarpaceae: Táo lá nhỏ (*Vatica odorata* (Griff.) Symingt subsp. *brevipetiolata* Phamh.), Táo nước (*Vatica subglabra* Merr.), Táo muối (*Vatica diospyroides* Symingt.), Sao trung hoa (*Hopea chinensis* (Merr.) Hand. - Mazz.), Họ Xoan - Meliaceae: Gội xanh (*Aglaja perviridis* Hiern.), Gội đỏ (*Aglaja dasyclada* How & T. C. Chen), Mán đĩa (*Archidendron clypearia* (Jack.) I. Nielsen), Chặt khế hai tuyến (*Dysoxylum binectariferum* (Roxb.) Hook.f. ex Bedd.); Họ Xoài - Anacardiaceae: Lát xoan (*Choerospondias axillaris* (Roxb.) Burt.), Quế (*Mangifera longipes* Griff.), Sầu (*Dracontomelon duperreanum* Pierre); Họ Côm - Elaeocarpaceae: Côm tầng (*Elaeocarpus griffithii* (Wight) A. Gray), Côm lá mạn (*Elaeocarpus prunifolius* Wall. ex Muell.), Côm rừng (*Elaeocarpus sylvestris* (Lour.) Poir.); Họ Du - Ulmaceae: Sếu bốn nhị (*Celtis tetrandra* Roxb.), Ngát trơn (*Gironniera cuspidata* (Blume) [Planch. ex] Kurz.), Ngát vàng (*Gironniera subaequalis* Planch.); Họ Cỏ roi ngựa - Verbenaceae: Tu hú gỗ (*Callicarpa arborea* Roxb.), Lôi thọ (*Gmelina arborea* Roxb.), Mần kinh (*Vitex quinata* (Lour.) F. N. Williams); Họ Mộc lan - Magnoliaceae: Giổi lá láng (*Michelia foveolata* Merr. ex Dandy), Giổi lông (*Michelia balansae* (DC.) Dandy); Họ Sim - Myrtaceae: Trâm lá chụm ba (*Syzygium formosum* (Wall.) Masam.), Trâm núi (*Syzygium levinei* (Merr.) Merr. & Perry); Họ Thị - Ebenaceae: Cườm thị (*Diospyros martabanica* C. B. Clarke), Thị hổ ngừ (*Diospyros* aff. *quaesita* Thwaites); Họ Long não - Lauraceae: Cà lố bắc bộ (*Caryodaphnopsis tonkinensis* (Lecomte) Airy - Shaw), Mồ nhuộm (*Cryptocarya infectoria* (Blume) Miq.); Họ Lộc vừng - Lecythidaceae: Lộc vừng hoa trắng (*Barringtonia acutangula* (L.) Gaertn.), Lộc vừng hoa vàng (*Barringtonia racemosa* (L.) Roxb.); Họ Thích - Aceraceae: Thích lá quạt (*Acer flabellatum* Rehd.), Thích mười nhị (*A. laurinum* Hassk.); Họ Hoa hồng - Rosaceae: Sến đào (*Photinia prunifolia* (Hook. & Arn.) Lindl.), Xoan đào tía (*Prunus arborea* var. *montana* (Hook. f.) Kalkm.); Họ Chẹo thui - Proteaceae: Chẹo thui nam bộ (*Helicia cochinchinensis* Lour.), Chẹo thui hải nam (*Helicia* aff. *hainanensis* Hayata); Họ Na - Annonaceae: Nhọc (*Polyalthia cerasoides* (Roxb.) Bedd.), Giả bồ đồng dương (*Pseuduvaria indochinensis* Merr.), Đồi mừ (*Mitrephora calcarea* Diels ex Ast.); Họ Trinh nữ - Mimosaceae: Cứt ngựa (*Archidendron balansae* (Oliv.) I. Nielsen), Đái bò (*Archidendron eberhardtii* I. Nielsen), Mán đĩa chevalier (*Archidendron chevalieri* (Kosterm.) I. Nielsen); Họ Đậu - Fabaceae: Cọ khết (*Dalbergia assamica* Benth.), Ràng ràng mít (*Ormosia balansae* Drake); Họ dẻ - Fagaceae: Cà ổi ăn độ (*Castanopsis indica* (Roxb.) A. DC.), Cà ổi bắc bộ (*Castanopsis tonkinensis* Seemen); Họ Dương đào - Actinidiaceae: Nóng lá nâu (*Saurauia napanlensis* DC.); Họ Thôi ba - Alangiaceae: Thôi ba lông vàng (*Alangium kurzii* Craib.); Họ Trúc đào - Apocynaceae: Sữa (*Alstonia scholaris* (L.) R. Br.); Họ Bồ hòn - Sapindaceae: Trường sàng (*Amesiodendron chinense* (Merr.) Hu); Họ Vang - Caesalpiniaceae: Lim vàng bắc bộ (*Peltophorum dasyrrhachis* var. *tonkinensis* (Pierre) K. & S. Larsen); Họ Bàng - Combretaceae: Chò xanh (*Terminalia myriocarpa* Heurck & Muell. Arg.); Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae: Vạng trứng (*Endospermum chinense* Benth.); Họ hồ đào - Juglandaceae: Chẹo ăn độ (*Engelhardia roxburghiana* Wall.); Họ Búi lửa - Mastixiaceae: Búi cây (*Mastixia arborea* (Wight) C. B. Clarke); Họ Máu chó - Myristicaceae: Máu chó petelot (*Knema* aff. *petelotii* Merr.); Họ Cà phê - Rubiaceae: Mãi tấp (*Aidia oxyodonta* (Drake) Yamazaki); Họ Bần - Sonneratiaceae: Phay (*Duabanga grandiflora* (Roxb. ex DC.) Walp.); Họ Bồ đề - Styracaceae: Bồ đề bắc (*Styrax tonkinensis* (Pierre) Craib. ex Hartwiss).

Trong số đó có những loài gỗ quý dùng trong xây dựng như: Họ Dầu - Dipterocarpaceae: Táo (*Vatica subglabra* Merr.), Chò chỉ (*Parashorea chinensis* H. Wang), Chò nâu (*Dipterocarpus retusus* Blume); Họ Bồ hòn - Sapindaceae: Săng (*Pometia pinnata* Forst. & Forst. f.); Họ Xoan - Meliaceae: Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A. Juss.); Họ Hồng xiêm - Sapotaceae: Sến mật (*Madhuca pasquieri* (Dubard) H. J. Lam); Họ Đay - Tiliaceae: Nghiến (*Excentrodendron tonkinense* (Gagnep.) Chang & Miao); Họ Bứa - Clusiaceae: Trai lý (*Garcinia fagraeoides* A. Chev.); Họ Núc nác - Bignoniaceae: Đinh (*Markhamia stipulata* (Wall.) Schum.), Đinh (*Fernandoa* spp.); Họ đậu - Fabaceae: Sưa (*Dalbergia tonkinensis* Prain);...

2. Nhóm cây làm thuốc

Nhóm cây làm thuốc ở VQG Xuân Sơn rất phong phú về thành phần loài, đây là nhóm tài nguyên ngoài gỗ khá quan trọng. Chúng tôi đã thống kê được gần 300 loài được sử dụng làm thuốc: Họ Cà phê - Rubiaceae (12 loài): Đơn tướng quân (*Chasallia curviflora* Wall. ex Roxb.), An điển tai (*Hedyotis auricularia* L.), An điển hai hoa (*Hedyotis biflora* (L.) Lamk.), An điển đầu (*Hedyotis capitellata* Wall. ex G. Don), Dạ cầm vòng (*Hedyotis verticillata* (L.) Lamk.), Nhàu lá chanh (*Morinda citrifolia* L.), Nhàu tán (*Morinda umbellata* L.), Lấu đỏ (*Psychotria rubra* (Lour.) Poir.), Lấu bò (*Psychotria serpens* L.), Găng gai (*Randia spinosa* (Thunb.) Poir.), Câu đằng bắc (*Uncaria homomalla* Miq.), Câu đằng quả không cuống

(*Uncaria sessilifructus* Roxb.); Họ Thầu dầu – Euphorbiaceae (11 loài): Vòng dó mụn cóc (*Alchornea nilifolia* (Benth.) Muell. - Arg.), Thầu dầu (*Aporosa dioica* (Roxb.) Muell. - Arg.), Bồ cu vẽ (*Breynia fruticosa* (L.) Hook. f.), Đóm lông (*Bridelia monoica* (Lour.) Merr.), Xương răn (*Euphorbia milii* Desmoul.), Xương khô (*Euphorbia tirucalli* L.), Rủ rủ (*Hononoia riparia* Lour.), Ba soi (*Macaranga denticulata* (Blume) Muell. - Arg.), Búc trắng (*Mallotus apelta* (Lour.) Muell. - Arg.), Bùng búc (*Mallotus barbatus* Muell. - Arg.), Sỏi tía (*Sapium discolor* (Champ. ex Benth.) Muell. - Arg.); Họ Cỏ roi ngựa – Verbenaceae (6 loài): Tu hú quả tím (*Callicarpa rubella* Lindl.), Tu hú lá dài (*Callicarpa longifolia* Lamk.), Tu hú gỗ (*Callicarpa arborea* Roxb.), Bọ mảy (*Clerodendrum cyrtophyllum* Turcz.), Dây lức (*Phyla nodiflora* (L.) Greene), Đuôi chuột (*Stachytarpheta jamaicensis* (L.) Vahl); Họ Tiết dê – Menispermaceae (6 loài): Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria* Lour.), Châu đảo (*Pericampylus glaucus* (Lamk.) Merr.), Thiên kim đằng (*Stephania japonica* (Thunb.) Miers), Lôi tiền (*Stephania longa* Lour.), Bình vôi (*Stephania rotunda* Lour.), Bình vôi tán ngắn (*Stephania sinica* Diels); Họ Trúc đào – Apocynaceae (5 loài): Thần linh lá to (*Kibatalia macrophylla* (Pierre in Planch. ex Hua) Woodson), Ba gạc vòng (*Rauwolfia verticillata* (Lour.) Baill.), Lài trâu (*Ervatamia bufalina* (Lour.) Pichon), Lòng mức trái to (*Wrightia laevis* Hook.f.), Thùng mức lông (*Wrightia pubescens* R. Br.); Họ Đơn nem – Myrsinaceae (5 loài): Khôi trắng (*Ardisia gigantifolia* Stapf), Cơm nguội xếp (*Ardisia replicata* E. Walker), Cơm nguội tsang (*Ardisia tsangii* E. Walker), Cơm nguội lông (*Ardisia velutina* Pitard), Cơm nguội độc (*Ardisia virens* Kurz); Họ Hoa mồm chó – Scrophulariaceae (4 loài): Lũ đang cong (*Lindernia anagallis* (Burm.f.) Penn.), Mất đất (*Picria fel-terrae* Lour.), Cam thảo nam (*Scoparia dulcis* L.), Tò liên á châu (*Torenia asiatica* L.); Họ Na – Annonaceae (3 loài): Chuối chác dẻ (*Dasymaschalon rostratum* Merr. & Chun), Thau à mai (*Desmos pedunculatus* var. *tonkinensis* Ban), Dời dơi (*Fissistigma polyanthoides* (DC.) Merr.); Họ Nhân sâm – Araliaceae (3 loài): Đơn châu châu (*Aralia armata* (Wall. ex G. Don) Seem.), Chân chim bảy lá (*Schefflera heptaphylla* (L.) Frodin), Đu đủ rừng (*Trevesia palmata* (Roxb. ex Lindl.) Visan.); Họ Kim Cang – Smilacaceae (3 loài): Kim cang (*Smilax corbularia* Kunth), Kim cang lá mác (*Smilax lanceifolia* A. DC.), Thổ phục linh (*Smilax glabra* Wall. ex Roxb.); Họ Ban – Hypericaceae (3 loài): Thành ngành đẹp (*Cratoxylum formosum* (Jack) Benth. & Hook.f. ex Dyer), Đỗ ngon (*Cratoxylum pruniflorum* (Kurz) Kurz), Nọc sỏi (*Hypericum japonicum* Thunb.); Họ Mần mần – Caprifoliaceae (2 loài): Cơm cháy (*Sambucus javanica* Reinw. ex Blume), Vót vàng nhạt (*Viburnum lutescens* Blume); Họ Đậu – Fabaceae (2 loài): Trắc dây (*Dalbergia rimosa* Roxb.), Thần mát (*Milletia ichthyochtona* Drake); Họ Bông – Malvaceae (2 loài): Cối xay (*Abutilon indicum* (L.) Sweet), Bò ké (*Kydia calycina* Roxb.); Họ Cam – Rutaceae (2 loài): Ba chạc (*Euodia lepta* (Spreng.) Merr.), Xuyên tiêu (*Zanthoxylum nitidum* (Roxb.) DC.); Họ Du – Ulmaceae (2 loài): Hu lá hẹp (*Trema angustifolia* (Planch.) Blume), Hu dày (*Trema orientalis* (L.) Blume); Họ Thiên lý – Asclepiadaceae: Hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenis* (Lour.) Merr.); Họ Cúc – Asteraceae: Đơn kim (*Bidens pilosa* L.); Họ Núc nác – Bignoniaceae: Núc nác (*Oroxylum indicum* (L.) Vent.); Họ Bàng – Combretaceae: Sứ quân tử (*Quisqualis indica* L.); Họ Hạ Hoà – Erythraliaceae: Bò khai (*Erythralium scandens* Blume); Họ Bạc hà – Lamiaceae: Thiên thảo (*Anisomeles indica* (L.) Kuntze); Họ Trinh nữ – Mimosaceae: Mần diệp (*Archidendron clypearia* (Jack) I. Nielsen); Họ Táo – Rhamnaceae: Táo rừng (*Ziziphus oenoplia* (L.) Mill); Họ Bồ hòn – Sapindaceae: Dây tẩm phong (*Cardiospermum halicacabum* L.); Họ Trôm – Sterculiaceae: Thầu kén lông (*Helicteres hirsuta* Lour.); Họ Nho – Vitaceae: Chia vôi (*Cissus triloba* (Lour.) Merr.); Họ Ô rô – Acanthaceae: Cát đằng hoa to (*Thunbergia grandiflora* (Roxb.) ex Rottl.) Roxb.); Họ Rau dền – Amaranthaceae: Cỏ xước (*Achyranthes aspera* L.); Họ Bách bộ – Stemonaceae: Bách bộ (*Stemona tuberosa* Lour.); Họ Râu hùm – Taccaceae: Râu hùm hoa tía (*Tacca chantrieri* Andre); Họ Khuyết lá thông – Psilotaceae: Khuyết lá thông (*Psilotum nudum* (L.) Griseb.); Họ Mộc lan – Magnoliaceae: Hoa trứng gà (*Magnolia coco* (Lour.) DC.); Họ Giấp cá – Saururaceae: Hầm ếch (*Saururus chinensis* (Lour.) Hort. ex Loud.); Họ Gừng – Zingiberaceae: Riềng dài lông mếp (*Alpinia blepharocalyx* K. Schum.), Sẹ (*Alpinia globosa* (Lour.) Horan.), Sa nhân (*Amomum* spp.); Họ Lan – Orchidaceae: Kim tuyến (*Anoectochilus setaceus* Blume); Họ Hành – Liliaceae: Nắng (*Crinum asiaticum* L.), Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla* Smith subsp. *polyphylla*); Họ Ráy – Araceae: Thủy xương bồ (*Acorus calamus* L.), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott), Trăng pháo (*Pothos repens* (Lour.) Druce); Họ Cau dừa – Arecaceae: Búng báng (*Arenga saccharifera* Labill.);...

3. Nhóm cây có hoa, làm cảnh và bóng mát

Tại VQG Xuân Sơn đã thống kê được gần 90 loài cây có hoa, làm cảnh và bóng mát. Họ có nhiều loài làm cảnh nhất là họ Lan – Orchidaceae (28 loài), tiếp đến là họ Cau dừa – Arecaceae (12 loài), họ Đỗ quyên – Ericaceae (6 loài).

Trong họ Lan - Orchidaceae có Tàn lan (*Corymborkis veratrifolia* (Reinw.) Blume), Hồng cầu (*Dendrobium aduncum* Wall. ex Lindl.), Tục đoạn văn nam (*Pholidota aff. yunnanensis* Rolfe), Bạch điểm (*Thrixspermum centipeda* Lour.); đặc biệt có 3 loài (Lan hải hiệp *Paphiopedilum hiepianum* Aver., Lan hải núi đá *P. henryanum* Braem, Lan hải cánh vàng *P. gratixianum* (Sander ex Mast.) Guillaum), thuộc chi Lan hải (*Paphiopedilum*) là những loài hoa đẹp được ưa chuộng đang bị săn lùng. Loài Lan cầu lá tía (*Bulbophyllum purpureifolium* Aver.), Nhãn điệp nhân (*Liparis conopea* Aver.), Kim tuyến tơ (*Anoectochilus setaceus* Blume), Kim tuyến (*Anoectochilus lylei* Rolfe ex Downie), Giải thủy tím (*Anoectochilus elwesii* (C. B. Clarke ex Hook.f) King & Pantl.), Cầu điệp xinh (*Bulbophyllum concinnum* Hook.f.), Cầu điệp thơm (*Bulbophyllum odoratissimum* (Smith) Lindl.), Nhãn điệp manii (*Liparis mannii* Reichb.f.), Hồng cầu (*Dendrobium aduncum* Wall. ex Lindl.), Kim điệp (*Dendrobium fimbriatum* Hook.), Thạch học vôi (*Dendrobium pendulum* Roxb.), Hoàng thảo nanh sấu (*Dendrobium terminale* Parish & Reichb. f.), Thủy tiên mỡ gà (*Dendrobium thyrsiflorum* Reichb. f.), Kiều lan cô (*Calanthe herbacea* Lindl.), Kiều lan hoa trắng (*Calanthe triplicata* (Willem.) Ames), Thủ thư hình muỗm (*Cheirostylis spathulata* J. J. Smith), Mặt khẩu miễn điện (*Cleisostoma birmanicum* (Schlechter) Garay), Lan lá dừa (*Corymborkis veratrifolia* (Reinw.) Blume), Lục lan (*Cymbidium lacifolium* Hook.), là những loài cho hoa đẹp, có giá trị làm cảnh.

Họ Cau dừa - Arecaceae: gồm các loài Đùng đình (*Caryota mitis* Lour.), Đùng đình bắc sơn (*Caryota basonensis* Magalon), Đùng đình bông đơn (*Caryota monostachya* Becc.), Lá nón (*Licuala bracteata* Gagnep.), Lá nón gai (*Licuala spinosa* Wurm.), Cọ bắc bộ (*Livistona tonkinensis* Magalon), Cọ (*Livistona cochinchinensis* (Lour.) Mart.), Cọ trung hoa (*Livistona chinensis* Lour.), Lụi (*Rhapis cochinchinensis* (Lour.) Mart.), Hèo (*Rhapis micrantha* Becc.), Song lá bạc (*Plectocomia elongata* Mart. & Blume), Cau chuột ba vì (*Pinanga baviensis* Becc.)...

Trong họ Đỗ quyên - Ericaceae: Đỗ quyên lá vệ mầu - *Rhododendron euonymifolium* Lévl. (cây gỗ nhỏ đang bụi, gặp ở đỉnh núi Ten), Đỗ quyên hoa đỏ - *Rhododendron simsii* Planch., Đỗ quyên hải nam - *R. hainanense* Merr., Đỗ quyên lá lõm - *R. emarginatum* Hemsl., Việt quất bắc bộ - *Vaccinium tonkinense* Dop, Nam chúc - *Lyonia ovalifolia* (Wall.) Drude, ...

Nhiều cây hoa đẹp khác như các loài trong họ Bóng nước (Balsaminaceae): *Impatiens claviger* Hook. f., *Impatiens chevalieri* Tardieu....; họ Thu hải đường (Begoniaceae): *Begonia tonkinensis* Gagnep., *Begonia baviensis* Gagnep..... Một số loài khuyết thực vật cũng như nhiều loài cây gỗ (Kim giao, Sấu, Lát hoa, Chò chỉ, Chò nâu, Gội nếp, Trương vân, Vàng anh, Sưa....) có thể dùng làm cây cảnh và trồng lấy bóng mát.

4. Nhóm cây ăn được: Đã thống kê được gần 60 loài làm rau và cho quả ăn được.

- Cây làm rau ăn:

Trong các cây làm rau ăn, quan trọng nhất là Rau Sắng, Rau ngót núi, Ngót rừng, Phiắc van (Rau ngót) (*Melientha suavis* Pierre) thuộc Họ Sơn Cam - Opiliaceae

Cây gỗ nhỏ, cao 4 - 8 m đến 14 m, đường kính 15-25 cm. Mọc rải rác trong rừng thứ sinh, chân các núi đá vôi. Ra hoa tháng 4-5, có quả tháng 6-7. Trong rau Sắng có 82,4% nước; 5,5-6,5% protid; 5,3-5,5% glucid; 2,2% cellulose, có đủ các loại acid amin cần thiết cho cơ thể như: lysin, methionin, tryptophan, phenylalanin, threonin, valin, leucin và isoleucin. Đây là loài cây đặc sản vừa có giá trị làm thực phẩm, rau ăn (ngon, lá non và quả non của cây rau Sắng thường được dùng để nấu canh, ăn có vị ngọt tự nhiên, hàm lượng dinh dưỡng cao, hàm lượng acid amin và đường saccharine trong lá rất cao). Hạt rang ăn như lạc. Rễ được sử dụng chữa sán. Do nhu cầu sử dụng cao, lượng thu hái lớn, sinh cảnh rừng bị thay đổi tác động mạnh nên số lượng cá thể của loài cây này ngày càng bị suy giảm. Loài cây này đã được đưa vào Sách đỏ Việt Nam - Phần Thực vật, Tập 2, cần được bảo vệ.

Một số cây làm rau ăn khác: Họ Tai đất - *Aspidiaceae*: Rau dớn (*Callipteris esculenta* (Retz.) J. Smith); Họ Rau bợ - *Marsileaceae*: Rau bợ (*Marsilea quadrifolia* L.); Họ Thôi ba - *Alangiaceae*: Cây quang (*Alangium barbatum* R. Br. Baill.); Họ Rau dền - *Amaranthaceae*: Rau dền (*Alternanthera sessilis* (L.) A. DC.), Rau dền gai (*Amaranthus spinosus* L.), Rau dền cơm (*Amaranthus lividus* L.); Họ Hồ tiêu - *Piperaceae*: Càng cua (*Peperomia pellucida* (L.) H.B.K.); Họ Du - *Ulmaceae*: Hu lá hẹp (*Trema angustifolia* (Planch.) Blume), Hu dày (*Trema orientalis* (L.) Blume); Họ Hypericaceae - Ban: Đò ngon (*Cratoxylum pruniflorum* (Kurz) Kurz); Họ Hoà thảo - *Poaceae*: Vầu ngọt (*Indosasa crassiflora* McClure), Vầu đắng (*Indosasa sinica* C.D. Chu & C.S. Chao), Giang (*Ampelocalamus patellaris* (Gamble) Stapleton); ...

– Cây có quả ăn được:

Họ Dầu tằm - Moraceae: Vả (*Ficus auriculata* Lour.), Đa chai (*Ficus callosa* Willd.), Sung bông (*Ficus fistulosa* Reinw. ex Blume), Ngái (*Ficus hispida* L.f.); Họ Cam - Rutaceae: Quýt gai (*Atalantia buxifolia* (Poir.) Oliv.), Chanh (*Citrus aurantifolia* (Christm. & Panzer) Swingle), Bưởi (*Citrus grandis* (L.) Osb.), Quýt (*Citrus reticulata* Blanco); Họ Bồ hòn - Sapindaceae: Nhãn rừng (*Dimocarpus fumatus* (Blume) Leenth. Subsp. *indochinensis* Leenh.), Nhãn dê (*Lepisanthes rubiginosa* (Roxb.) Leenh.), Vải rừng (*Nephelium cuspidatum* Blume var. *bassacense* (Pierre) Leenh.), Vải guốc (*Xerospermum noronhianum* (Blume) Blume); Họ Trám - Burseraceae: Trám trắng (*Canarium album* (Lour.) Raeusch), Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Yakovl), Trám chim (*Canarium tonkinense* Engl.); Họ Cau - Arecaceae: Cọ bắc bộ (*Livistona tonkinensis* Magalon), Cọ (*Livistona cochinchinensis* (Lour.) Mart.), Cọ trung hoa (*Livistona chinensis* (Jacq.) R. Br.), Mây đá (*Calamus rudentum* Lour.); Họ Hoa hồng - Rosaceae: Mâm xôi (*Rubus alcaefolius* Poir.), Ngải trâu (*Rubus leucanthus* Hance.), Ngải lá hồng (*Rubus rosaefolius* Smith.); Họ Dẻ - Fagaceae: Cà ổi ăn độ (*Castanopsis indica* (Roxb.) A. DC.), Cà ổi bắc bộ (*Castanopsis tonkinensis* Seemem); Họ Xoài - Anacardiaceae: Sấu (*Dracontomelon duperreanum* Pierre), Dâu da xoan (*Allospondias lakonensis* (Pierre) Stapf); Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae: Đơn núi (*Antidesma hainanense* Merr.), Dâu da đất (*Baccaurea ramiflora* Lour.), Lai (*Aleurites moluccana* (L.) Willd.), Chối mồi (*Antidesma ghaesembilla* Gaertn.); Họ Sim - Myrtaceae: Ổi (*Psidium guajava* L.), Sim (*Rhodomyrtus tomentosa* (Ait.) Hassk.), Trám lá chụm ba (*Syzygium formosum* (Wall.) Masam); Họ Dương đào - Actinidiaceae: Nồng lá nâu (*Saurauia napaulensis* DC.); Họ Thị - Ebenaceae: Cườm thị (*Diospyros malabarica* (Desr.) Kosterm.); Họ Bứa - Clusiaceae: Bứa nhuộm (*Garcinia tinctoria* (DC.) W. Wight); Họ Sô - Dilleniaceae: Sô bà (*Dillenia indica* L.); Họ Cheo thui - Proteaceae: Cheo thui nam bộ (*Helicia cochinchinensis* Lour.); Họ Táo - Rhamnaceae: Táo (*Ziziphus mauritiana* Lamk.); Họ Mộc lan - Magnoliaceae: Giổi ăn quả (*Michelia tonkinensis* A. Chev.); Họ Chuối - Musaceae: Chuối rừng (*Musa acuminata* Coll.).

5. Nhóm cây chứa tinh dầu

Ở VQG Xuân Sơn, chúng tôi đã thống kê được 12 loài cho tinh dầu: Họ Long não - Lauraceae: Màng tang (*Litsea cubeba* (Lour.) Pers.); Bời lời lá tròn (*Litsea rotundifolia* (Wall. ex Ness) Hemsl.); Họ Na - Annonaceae: Hoa dẻ (*Desmos chinensis* Lour.), Họ Bông - Malvaceae: Vòng vang (*Abelmoschus moschatus* Medic.); Họ Hoa mõ chó - Scrophulariaceae: Ngổ (*Limnophila chinensis* (Osbeck.) Merr.); Họ Đậu - Fabaceae: Cọ khết (*Dalbergia assamica* Benth.);... trong số đó đã tiến hành nghiên cứu thành phần hoá học của một số loài sau:

Giổi lá lằng (*Michelia foveolata* Merr. ex Dandy) - Magnoliaceae: thành phần hóa học của tinh dầu gồm 30 hợp chất, trong đó các thành phần chính là sabinen (21,56%); terpinen-4-ol (12,46%); 2,5-cyclohexadien-1,4 dione, 2,6-bis (1,1-dimethylethyl) (6,64%); γ -terpinen (6,33%); α -cadinol (4,64%); α -terpinen (4,39%); tau-cadinol (3,6%); δ -cadinen (3,11%).

Hoa trứng gà (*Magnolia coco* (Lour.) DC.) - Magnoliaceae: Hàm lượng tinh dầu từ cành mang lá đạt 0,21% theo nguyên liệu khô không khí; đã xác định được 42 hợp chất trong tinh dầu từ cành mang lá, trong đó thành phần chính của tinh dầu là: sabinen (23,43%), α -pinen (14,51%), β -pinen (11,68%), bicyclogermacrene (8,11%).

Rau om bò (*Limnophila repens* (Benth.) Benth.) - Scrophulariaceae: Hàm lượng tinh dầu từ phần trên mặt đất của cây đạt 0,63% theo nguyên liệu khô không khí; 34 hợp chất trong tinh dầu đã được xác định. Thành phần hoá học chủ yếu của tinh dầu gồm α -terpinolen (68,59%), α -humulen (8,17%), limonen (5,63%).

Hoa dẻ (*Desmos chinensis* Lour.) - Annonaceae: Hàm lượng tinh dầu từ hoa đạt 0,2% theo trọng lượng khô không khí; đã xác định được 13 hợp chất trong tinh dầu. Thành phần hoá học chủ yếu của tinh dầu gồm: β -caryophyllen (28,9%); bicyclogermacrene (11,5%); α -humulen (7,2%); δ -germacren (7,2%); β -elemen (6,4%).

Hàm ếch (*Saururus chinensis* (Lour.) Hort. ex Loud.) - Saururaceae, thành phần hoá học chính gồm: Safrol (25,24%); cis-calamenen (15%); β -caryophyllen (10,9%); myristicin (7,9%); α -copaen (4,8%); α -humulen (4,4%); α -culeben (4,2%).

Hoa tiên (*Asarum maximum* Hemsl.) - Aristolochiaceae, thành phần hoá học chính trong tinh dầu gồm: 1.3-benzodioxole, 4-methoxy-6-(2-propenyl) (71.8%); bicyclo (3.1.1) hept-2-ene-2,6-dimethyl-6-(4-methyl) (4.47%); 4-(axial)-n-propyl-trans-3-oxabicyclo (4.4.0) decan (3.6%); α -asaron (3.6%).

III. KẾT LUẬN

1. Đã tiến hành thống kê và nghiên cứu 5 nhóm cây tài nguyên quan trọng của VQG Xuân Sơn: Nhóm cây lấy gỗ (150 loài); nhóm cây làm thuốc (300 loài); nhóm cây có hoa, làm cảnh và bóng mát (90 loài); nhóm cây ăn được (60 loài); nhóm cây có tinh dầu (12 loài).
2. Đã xác định hàm lượng tinh dầu và nghiên cứu thành phần hóa học trong tinh dầu của 6 loài: Hoa tiên (*Asarum maximum* Hemsl.), Hàm ếch (*Saururus chinensis* (Lour.) Hort. ex Loud.), Hoa dẻ (*Desmos chinensis* Lour.), Rau om bò (*Limnophila repens* (Benth.) Benth.), Hoa trứng gà (*Magnolia coco* (Lour.) DC.) và Giổi lá láng (*Michelia foveolata* Merr. ex Dandy).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bán, 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. Nxb Nông nghiệp - Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2000. Tên cây rừng Việt Nam. Nxb Nông nghiệp - Hà Nội.
3. Võ Văn Chi, 1997. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb. Y học TP. Hồ Chí Minh.
4. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập I. Nxb Nông nghiệp - Hà Nội.
5. Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập II. Nxb Nông nghiệp - Hà Nội.
6. Phạm Hoàng Hộ, 1992. Cây cỏ Việt Nam. Nxb Montréal.
7. Đỗ Tất Lợi, 1985. Tinh dầu Việt Nam. Nxb Y học TP. Hồ Chí Minh.

SOME PLANT RESOURCES COMMODITY GROUPS IN XUAN SON NATIONAL PARK

TRAN MINH HOI, TRAN HUY THAI, NINH KHAC BAN,
NGUYEN QUANG HUNG, NGUYEN THI HIEN, NGUYEN THI HUONG

SUMMARY

In the flora of Xuan Son National Park, we have collected and studied 5 plant resources commodity groups: timber (150 species), medicinal plants (300 species), ornamental plants (90 species), edible plants (60 species) and essential oil plants (12 species). The chemical compositions of essential oil of six species have been studied.